日暮里校　午前AMクラス／Nippori Campus (Morning class)／Campus Nippori(Clases de la mañana)／Cơ sở Nippori: lớp sáng

＊７月８日（火）から新しいクラスで勉強します。自分のクラス、教室、時間を確認して、直接教室へ行ってください。

You will study in a new class from Tuesday, July 8th. Please check your class, classroom, time and go directly to the classroom.

７月８日(周二)开始重新分班，请确认好自己的班级、教室、上课时间，直接前往教室上课。

７月８日(二)開始重新分班，請確認好自己的班級、教室、上課時間，直接前往教室上課。

７월８일 (화요일) 부터 새로운 클래스 에서 공부합니다. 본인의 클래스, 교실, 시간을 확인하여 직접 교실로 가주세요.

Từ ngày８ tháng７(thứ ba) các em sẽ học ở lớp mới. Các em hãy xác nhận lớp học, phòng học, giờ học của mình và lên thẳng lớp của các em.

A partir de ８ de julio,martes, va a estudiar en nueva clase. Revise su clase, sala y horario y váyase diréctamente a su clase, por favor.

初級1	クラス/班級/Class/Clase/Lớp	教室/Class room/Sala/Phòng học	授業時間/上课时间/Class time/Horario/Giờ học	学生番号／学 号／學號／Student number／Número de estudiante／Số học sinh																		
	N-A	502	9：00～12：20	N08678	N08688	N08702	N08707	N08722	N08725	N08728	NT250703	NC250701	NC250702	NC250703								

初級２	クラス/班級/Class/Clase/Lớp	教室/Class room/Sala/Phòng học	授業時間/上课时间/Class time/Horario/Giờ học	学生番号／学 号／學號／Student number／Número de estudiante／Số học sinh																		
	N-H	302	9：00～12：20	N08701																		
	N-I	402	9：00～12：20	N08697																		

初中級	クラス/班級/Class/Clase/Lớp	教室/Class room/Sala/Phòng học	授業時間/上课时间/Class time/Horario/Giờ học	学生番号／学 号／學號／Student number／Número de estudiante／Số học sinh																		
	N611	403	9：00～12：20																			

中級１	クラス	教室	授業時間	学生番号																		
	N511	203	9：00～12：20	N08687																		
	N512	303	9：00～12：20																			

中級２	クラス	教室	授業時間	学生番号																		
	N411	503	9：00～12：20	N08716																		

中級３	クラス	教室	授業時間	学生番号																		
	N311	201	9：00～12：20	N08713																		

上級１	クラス	教室	授業時間	学生番号																		
	N211	401	9：00～12：20																			